



ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM TỈNH BẾN TRE

**CÔNG KHAI HOẠT ĐỘNG TIẾP NHẬN VÀ PHÂN BỐ KINH PHÍ
CHƯƠNG TRÌNH XÓA NHÀ TẠM, NHÀ DỘT NÁT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE
đến ngày 18/4/2025**

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
A	TỔNG KINH PHÍ TIẾP NHẬN (I+II)				56.945.972.063		
	I	TIẾP NHẬN QUA TÀI KHOẢN QUỸ VÌ NGƯỜI NGHÈO MỞ TẠI KBNN BẾN TRE			52.742.880.123		
		Mang sang đến ngày 31/3/2025			45.558.239.742		
		Thu từ ngày 01/4-16/4/2025			7.184.640.381		
304	01	04/04/2025	CĐCS Trường TH Giao Thạnh	tỉnh Bến Tre	3.674.000		
305	02	04/04/2025	Trường Mầm Non An Thạnh huyện Mỏ Cày Nam	tỉnh Bến Tre	7.805.000		
306	03	04/04/2025	CĐCS Trường Mầm Non Thị trấn Mỏ Cày	tỉnh Bến Tre	9.796.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
307	04	09/04/2025	Trường THCS Võ Văn Man	tỉnh Bến Tre	8.954.744		
308	05	08/04/2025	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (thay mặt Bộ Quốc phòng chuyển kinh phí hỗ trợ)	tỉnh Bến Tre	6.000.000.000		
309	06	09/04/2025	CĐCS Trường THCS Thị trấn Mỏ Cày	tỉnh Bến Tre	18.241.000		
310	07	10/04/2025	Trường TH Hoà Lộc	tỉnh Bến Tre	11.175.000		
311	08	11/04/2025	CĐCS Trường TH Hoà Lợi	tỉnh Bến Tre	5.347.000		
312	09	11/04/2025	CĐCS xã Lộc Thuận	tỉnh Bến Tre	8.690.140		
313	10	11/04/2025	Tinh Đoàn Bến Tre	tỉnh Bến Tre	5.503.000		
314	11	14/04/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo Bến Tre	tỉnh Bến Tre	16.311.177		
315	12	14/03/2025	Công an tỉnh Bến Tre	tỉnh Bến Tre	1.084.324.320		
316	13	16/04/2025	Công đoàn Trường Mầm Non Thới Thạnh	tỉnh Bến Tre	4.819.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
	II	TIỀN NHẬN QUA TÀI KHOẢN MỞ TẠI NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH BẾN TRE			4.203.091.940		
		Mang sang đến 31/3/2025			2.009.515.642		
		Thu từ ngày 01/4 - 18/4/2025			2.193.576.298		
317	14	01/4/2025	Trường Mầm Non An Bình Tây	tỉnh Bến Tre	3.028.000		
318	15	01/4/2025	TH An Ngãi Tây	tỉnh Bến Tre	11.173.000		
319	16	01/4/2025	Trường THPT Ca Văn Thỉnh	tỉnh Bến Tre	14.150.000		
320	17	01/4/2025	MTTQVN huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	2.903.000		
321	18	01/4/2025	Trường TH Tân Trung	tỉnh Bến Tre	10.533.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
322	19	01/4/2025	CĐCS Trường Mầm Non Mỹ Nhơn	tỉnh Bến Tre	7.685.000		
323	20	01/4/2025	Công chức, viên chức, người lao động Văn phòng UBND tỉnh Bến Tre	tỉnh Bến Tre	27.453.490		
324	21	01/4/2025	Trường Mẫu Giáo Hòa Lợi	tỉnh Bến Tre	3.216.000		
325	22	02/04/2025	Trường THPT Lê Hoàng Chiểu	tỉnh Bến Tre	16.520.400		
326	23	02/04/2025	Văn phòng Huyện ủy Mỏ Cày Nam	tỉnh Bến Tre	4.516.173		
327	24	02/04/2025	Trường THCS An Ngãi Tây huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	6.889.000		
328	25	02/04/2025	CĐCS Trường Mầm Non An Hiệp	tỉnh Bến Tre	4.720.000		
329	26	02/04/2025	CĐCS Trường Mầm Non Mỹ Chánh	tỉnh Bến Tre	6.520.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
330	27	02/04/2025	CĐCS Trường THCS An Đức huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	6.807.782		
331	28	02/04/2025	TH Mỹ Thạnh huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	6.139.380		
332	29	02/04/2025	CĐCS Trường THCS Trần Hữu Hiệp	tỉnh Bến Tre	9.079.000		
333	30	02/04/2025	CĐCS Trường TH An Bình Tây huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	10.443.485		
334	31	03/4/2025	Trường TH Tân Xuân 1 Ba Tri	tỉnh Bến Tre	11.185.000		
335	32	03/4/2025	Ban Tổ chức Huyện ủy Ba Tri	tỉnh Bến Tre	2.994.000		
336	33	03/4/2025	Trường Mầm Non Vĩnh Hòa	tỉnh Bến Tre	3.894.000		
337	34	03/4/2025	Trường TH Bình Phú	tỉnh Bến Tre	8.074.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
338	35	03/4/2025	CĐCS Xã Cẩm Sơn huyện Mỏ Cày Nam	tỉnh Bến Tre	5.087.000		
339	36	03/4/2025	Huyện đoàn Ba Tri	tỉnh Bến Tre	1.118.000		
340	37	03/4/2025	CĐ Trường THPT Quản Trọng Hoàng	tỉnh Bến Tre	15.367.652		
341	38	03/4/2025	Trường Mầm Non Thị Trấn	tỉnh Bến Tre	7.313.000		
342	39	03/4/2025	CĐCS Trường Mầm Non Nguyễn Thế Hùng huyện Châu Thành	tỉnh Bến Tre	4.963.000		
343	40	03/4/2025	Trường THCS An Phú Trung	tỉnh Bến Tre	9.683.000		
344	41	03/4/2025	Phòng Văn hóa, KH và Thông tin huyện Mỏ Cày Nam	tỉnh Bến Tre	2.308.367		
345	42	03/4/2025	CĐCS Trường Mầm Non Tân Thủy huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	4.740.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
346	43	03/4/2025	CĐCS Trường Mẫu Giáo Hoa Phượng huyện Bình Đại	tỉnh Bến Tre	3.278.000		
347	44	03/4/2025	Trường Mầm Non Tân Xuân	tỉnh Bến Tre	6.492.233		
348	45	03/4/2025	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền Thanh huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	3.988.000		
349	46	03/4/2025	Trường Mầm Non Mỹ Thạnh huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	5.304.000		
350	47	03/4/2025	CĐCS Xã An Thới huyện Mỏ Cày Nam	tỉnh Bến Tre	7.659.000		
351	48	04/4/2025	CĐCS Trường TH Phú Hưng	tỉnh Bến Tre	13.017.000		
352	49	04/4/2025	CĐCS Trường THPT Thạnh Phước huyện Bình Đại	tỉnh Bến Tre	11.380.131		
353	50	04/4/2025	CĐCS Trường THCS Thị trấn Thạnh Phú huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	12.205.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
354	51	04/4/2025	CĐCS Trường THCS Hưng Phong huyện Giồng Trôm	tỉnh Bến Tre	9.859.000		
355	52	04/4/2025	Trường Mẫu Giáo An Thạnh huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	2.321.000		
356	53	04/4/2025	CĐCS Trường THCS Vĩnh An	tỉnh Bến Tre	7.788.000		
357	54	04/4/2025	CĐCS Trường TH An Hiệp huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	13.287.909		
358	55	04/4/2025	Ban Tuyên giáo và Dân Vận huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	2.413.000		
359	56	04/4/2025	CĐCS Trường THCS Định Hòa huyện Bình Đại	tỉnh Bến Tre	8.888.000		
360	57	04/4/2025	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bình Đại	tỉnh Bến Tre	2.552.044		
361	58	04/4/2025	CĐCS Trường THCS Huỳnh Tấn Phát huyện Bình Đại	tỉnh Bến Tre	10.406.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
362	59	04/4/2025	CĐCS Trường Mẫu Giáo Hương Nhãn huyện Bình Đại	tỉnh Bến Tre	2.384.000		
363	60	04/4/2025	CĐCS Trường THCS Nguyễn Văn Đồn huyện Bình Đại	tỉnh Bến Tre	3.284.000		
364	61	04/4/2025	CĐCS Trường TH Nguyễn Văn Đồn huyện Bình Đại	tỉnh Bến Tre	3.914.000		
365	62	04/4/2025	CĐCS Trường Mầm Non Hướng Dương	tỉnh Bến Tre	8.681.766		
366	63	04/4/2025	Trung tâm GDNN, GDTX huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	4.914.000		
367	64	04/4/2025	Cán bộ, công chức không chuyên trách xã Tam Hiệp huyện Bình Đại	tỉnh Bến Tre	5.743.000		
368	65	04/4/2025	CĐCS Trường TH Vĩnh Hòa	tỉnh Bến Tre	6.089.000		
369	66	04/4/2025	Trường TH Hưng Khánh Trung B	tỉnh Bến Tre	5.588.914		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
370	67	04/4/2025	CĐCS HTX Thủy Sản Tân Thủy	tỉnh Bến Tre	2.800.000		
371	68	04/4/2025	CĐCS Trường Mầm Non An Đức	tỉnh Bến Tre	2.368.000		
372	69	04/4/2025	Trường Mẫu Giáo An Điền huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	3.244.000		
373	70	04/4/2025	Trường THCS An Qui huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	9.333.329		
374	71	04/4/2025	CĐCS Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre	tỉnh Bến Tre	5.321.000		
375	72	04/4/2025	CĐCS Trường THCS Hòa Lợi huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	8.414.000		
376	73	04/4/2025	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	5.960.000		
377	74	04/4/2025	Hội Đồng Y huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	633.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
378	75	04/4/2025	CĐCS Trường Mầm Non Cẩm Sơn	tỉnh Bến Tre	4.486.000		
379	76	04/4/2025	CĐCS Phòng Kinh tế hạ tầng và Đô Thị	tỉnh Bến Tre	2.408.000		
380	77	04/4/2025	Trường TH Mỹ Hóa	tỉnh Bến Tre	9.095.000		
381	78	04/4/2025	CĐCS Thanh Tra Tư pháp	tỉnh Bến Tre	3.665.000		
382	79	04/4/2025	Trường Mầm Non An Hòa Tây	tỉnh Bến Tre	2.120.000		
383	80	04/4/2025	CĐCS Tòa án (không ghi rõ đơn vị cụ thể)	tỉnh Bến Tre	4.679.844		
384	81	04/4/2025	CĐCS Trường THCS An Nhơn huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	6.384.000		
385	82	04/4/2025	CĐCS Trường Mầm Non Thới Thuận huyện Bình Đại	tỉnh Bến Tre	5.000.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
386	83	04/4/2025	CĐCS Ban Tuyên giáo và Dân Vận huyện ủy Mỏ Cày Nam	tỉnh Bến Tre	3.507.000		
387	84	04/4/2025	Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	3.570.000		
388	85	04/4/2025	CĐCS xã Thành Thới A	tỉnh Bến Tre	7.568.500		
389	86	04/4/2025	Trường Mầm Non Định Thủy	tỉnh Bến Tre	8.144.000		
390	87	04/4/2025	CĐCS Mầm Non An Nhơn	tỉnh Bến Tre	6.444.332		
391	88	04/4/2025	Văn phòng HĐND và UBND huyện Mỏ Cày Nam	tỉnh Bến Tre	5.085.000		
392	89	04/4/2025	Trường TH Bảo Thuận	tỉnh Bến Tre	11.708.000		
393	90	04/4/2025	Trường Mầm Non Tân Thiềng	tỉnh Bến Tre	6.855.700		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
394	91	04/4/2025	Phòng Giáo dục (không ghi rõ đơn vị cụ thể)	tỉnh Bến Tre	2.452.000		
395	92	04/4/2025	CĐCS Tiểu học Tam Phước	tỉnh Bến Tre	13.087.902		
396	93	05/04/2025	Trường TH Mỹ Hòa xã Mỹ Hòa huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	3.327.000		
397	94	08/04/2025	BQL Dự án huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	4.596.000		
398	95	08/04/2025	Trường TH An Hòa Tây	tỉnh Bến Tre	9.146.000		
399	96	08/04/2025	Trường THCS Trần Thị Tiết	tỉnh Bến Tre	8.810.000		
400	97	08/04/2025	Trường TH Vang Quới Đông huyện Bình Đại	tỉnh Bến Tre	7.521.162		
401	98	08/04/2025	CĐCS Trường Mầm Non Phước Ngãi huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	5.472.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
402	99	08/04/2025	Trường TH Hưng Khánh Trung A	tỉnh Bến Tre	10.279.780		
403	100	08/04/2025	CĐCS Trường THCS Bình Thắng	tỉnh Bến Tre	9.490.000		
404	101	08/04/2025	CĐCS Trường THCS An Hòa Tây	tỉnh Bến Tre	8.195.000		
405	102	08/04/2025	Tòa án Nhân dân tỉnh Bến Tre	tỉnh Bến Tre	17.069.100		
406	103	08/04/2025	Công đoàn Trường Mầm Non Sao Mai	tỉnh Bến Tre	8.056.813		
407	104	08/04/2025	Cán bộ viên chức Trường THCS Tân Hưng Ba Tri	tỉnh Bến Tre	9.413.753		
408	105	08/04/2025	Bộ đội Biên phòng Bến Tre	tỉnh Bến Tre	112.600.000		
409	106	08/04/2025	Trường Mẫu giáo An Qui huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	3.595.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
410	107	08/04/2025	Trường THCS Nguyễn Văn Xiếu	tỉnh Bến Tre	13.934.000		
411	108	08/04/2025	Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Ba Tri	tỉnh Bến Tre	68.107.033		
412	109	08/04/2025	Huyện ủy Bình Đại	tỉnh Bến Tre	3.733.000		
413	110	08/04/2025	Trường TH Trịnh Viết Bằng huyện Bình Đại	tỉnh Bến Tre	6.317.500		
414	111	09/4/2025	CĐCS Trường TH An Phú Trung huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	8.331.000		
415	112	09/04/2025	Phòng VH KH TT huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	1.980.000		
416	113	09/04/2025	Trường THCS An Thới	tỉnh Bến Tre	12.562.000		
417	114	09/04/2025	CĐCS xã Tân Xuân huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	5.690.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
418	115	09/04/2025	Trường Mầm Non Sơn Định huyện Chợ Lách	tỉnh Bến Tre	4.977.000		
419	116	09/04/2025	CĐ Trường THPT Phú Long	tỉnh Bến Tre	9.052.000		
420	117	09/04/2025	Trường TH An Điền	tỉnh Bến Tre	7.412.000		
421	118	09/04/2025	Trường Mầm Non Khánh Thạnh Tân	tỉnh Bến Tre	4.515.000		
422	119	09/04/2025	Hội Chữ Thập đỏ huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	926.000		
423	120	09/04/2025	CĐCS Trường Mầm Non Bảo Thuận Ba Tri	tỉnh Bến Tre	6.010.000		
424	121	09/04/2025	CĐCS xã AN Đức huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	6.746.000		
425	122	09/04/2025	UBND xã Thạnh Trị huyện Bình Đại	tỉnh Bến Tre	4.216.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
426	123	09/04/2025	CĐCS Trường Mầm Non Hoa Sen	tỉnh Bến Tre	4.074.000		
427	124	09/04/2025	Trường THCS Vĩnh Hòa	tỉnh Bến Tre	7.420.000		
428	125	09/04/2025	CĐCS xã An Qui	tỉnh Bến Tre	5.062.000		
429	126	09/04/2025	Cơ quan Liên đoàn Lao động huyện Bình Đại	tỉnh Bến Tre	1.180.000		
430	127	09/04/2025	UBND xã An Hiệp huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	8.095.000		
431	128	09/04/2025	Trường TH Hương Mỹ	tỉnh Bến Tre	9.285.720		
432	129	09/04/2025	Trường TH An Thới	tỉnh Bến Tre	8.734.000		
433	130	09/04/2025	Văn phòng Huyện ủy (không ghi rõ đơn vị)	tỉnh Bến Tre	5.000.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
434	131	09/04/2025	CĐCS Trường Mầm non Mỹ Hưng	tỉnh Bến Tre	4.420.000		
435	132	09/04/2025	Trung tâm Chính trị huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	1.300.000		
436	133	09/04/2025	UBND xã An Ngãi Trung	tỉnh Bến Tre	5.798.000		
437	134	09/04/2025	Trường Mầm Non Vĩnh Bình	tỉnh Bến Tre	5.609.000		
438	135	09/04/2025	CĐCS Trường Mầm Non Phú Long huyện Bình Đại	tỉnh Bến Tre	4.063.000		
439	136	09/04/2025	Trường TH Hương Mỹ 2	tỉnh Bến Tre	8.752.000		
440	137	09/04/2025	Trường TH Khánh Thạnh Tân	tỉnh Bến Tre	9.339.000		
441	138	09/04/2025	Trường Mầm Non Ánh Dương	tỉnh Bến Tre	11.265.133		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
442	139	09/04/2025	CĐCS Trường TH Tân Hội	tỉnh Bến Tre	9.626.000		
443	140	09/04/2025	Trung tâm GDNN, GDTX huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	8.332.000		
444	141	09/04/2025	Phòng KT hạ tầng và đô thị huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	1.700.000		
445	142	10/04/2025	CĐCS Trường TH Bình Thạnh huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	4.550.000		
446	143	10/04/2025	Trường Mầm Non Đại Điền	tỉnh Bến Tre	4.591.000		
447	144	10/04/2025	Đỗ Thị Thu Thủy (không ghi rõ đơn vị nộp)	tỉnh Bến Tre	13.368.000		
448	145	10/04/2025	Trường THCS An Thạnh huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	6.571.000		
449	146	10/04/2025	Trường THCS Ba Mỹ	tỉnh Bến Tre	10.485.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
450	147	10/04/2025	CĐCS Trường Tiểu học Nguyễn Thị Lang	tỉnh Bến Tre	10.030.000		
451	148	10/04/2025	Trường Tiểu học Bình Khánh	tỉnh Bến Tre	10.812.000		
452	149	10/04/2025	CĐCS xã Ngãi Đăng	tỉnh Bến Tre	7.026.000		
453	150	10/04/2025	Trường Mẫu Giáo Tiên Long	tỉnh Bến Tre	3.272.000		
454	151	10/04/2025	CĐCS Mầm Non Sen Hồng	tỉnh Bến Tre	9.864.500		
455	152	10/04/2025	CĐCS Trường Mầm Non Thị trấn Tiệm Tôm	tỉnh Bến Tre	7.850.000		
456	153	10/04/2025	CĐCS Trường Mầm Non Mỹ Hòa	tỉnh Bến Tre	9.241.000		
457	154	10/04/2025	UBND xã Vang Quới Đông	tỉnh Bến Tre	6.694.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
458	155	10/04/2025	Phòng Nội vụ Huyện Mỏ Cày Nam	tỉnh Bến Tre	2.340.000		
459	156	10/04/2025	Trường TH - THCS Đa Phước Hội	tỉnh Bến Tre	15.461.000		
460	157	10/04/2025	CDTrường Mẫu Giáo Phú Khánh Đông	tỉnh Bến Tre	3.788.000		
461	158	10/04/2025	Trường Mầm Non Vĩnh An Ba Tri	tỉnh Bến Tre	5.653.000		
462	159	10/04/2025	CĐCS xã An Thuận	tỉnh Bến Tre	6.175.000		
463	160	11/04/2025	Trường THCS Thừa Đức	tỉnh Bến Tre	8.405.786		
464	161	11/04/2025	CĐCS xã Mỹ Chánh Ba Tri	tỉnh Bến Tre	6.713.000		
465	162	11/04/2025	Hội Cựu Chiến binh huyện Mỏ Cày Bắc	tỉnh Bến Tre	1.000.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
466	163	11/04/2025	Trường THCS Hòa Nghĩa	tỉnh Bến Tre	8.377.000		
467	164	11/04/2025	Phòng Tư pháp huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	1.308.000		
468	165	11/04/2025	Trường TH Đỗ Nghĩa Trọng huyện Bình Đại	tỉnh Bến Tre	9.432.888		
469	166	11/04/2025	CBVC Trường TH An Đức huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	6.131.000		
470	167	11/04/2025	Trường TH Tân Hưng huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	12.338.572		
471	168	11/04/2025	Trung tâm GDTX tỉnh Bến Tre	tỉnh Bến Tre	3.409.000		
472	169	11/04/2025	CĐCS Lê Hoài Đôn	tỉnh Bến Tre	17.644.000		
473	170	11/04/2025	UBND, Trạm Y tế xã Định Trung	tỉnh Bến Tre	10.373.804		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
474	171	11/04/2025	CD Trường THCS Ngô Văn Cấn	tỉnh Bến Tre	9.521.600		
475	172	11/04/2025	CĐCS Trường THCS Bình Thạnh huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	8.770.884		
476	173	11/04/2025	Trường THCS Võ Văn Kiệt huyện Chợ Lách	tỉnh Bến Tre	10.191.480		
477	174	11/04/2025	Trường TH Thới Thạnh	tỉnh Bến Tre	6.800.000		
478	175	11/04/2025	CĐCS Trường Mầm Non Bảo Thạnh	tỉnh Bến Tre	3.568.000		
479	176	11/04/2025	Trường TH Tân Thủy	tỉnh Bến Tre	10.264.075		
480	177	11/04/2025	Trường Mầm Non Mỹ Thạnh An	tỉnh Bến Tre	4.666.204		
481	178	11/04/2025	CĐCS Trường TH Phú Lễ huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	9.654.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
482	179	11/04/2025	CĐCS Trường CheGueVaRa	tỉnh Bến Tre	24.580.810		
483	180	11/04/2025	Trung tâm Y tế huyện Mỏ Cày Nam	tỉnh Bến Tre	39.338.898		
484	181	11/04/2025	CĐCS xã Phước Hiệp huyện Mỏ Cày Nam	tỉnh Bến Tre	4.219.000		
485	182	11/04/2025	Trường TH Long Thới B	tỉnh Bến Tre	9.640.000		
486	183	11/04/2025	CĐCS xã Quới Sơn	tỉnh Bến Tre	5.546.000		
487	184	11/04/2025	BHXXH Mỏ Cày Nam	tỉnh Bến Tre	2.542.000		
488	185	11/04/2025	LĐLĐ huyện Mỏ Cày Bắc	tỉnh Bến Tre	1.211.000		
489	186	11/04/2025	CĐCS xã Bình Khánh huyện Mỏ Cày Nam	tỉnh Bến Tre	5.720.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
490	187	11/04/2025	UBND xã Phước Ngãi	tỉnh Bến Tre	5.681.000		
491	188	11/04/2025	CĐCS Viện Kiểm sát Mỏ Cày Nam	tỉnh Bến Tre	4.753.000		
492	189	11/04/2025	UBND xã Thới Lai huyện Bình Đại	tỉnh Bến Tre	6.430.000		
493	190	11/04/2025	CĐCS Trường TH Thành Triệu	tỉnh Bến Tre	9.871.000		
494	191	12/04/2025	Trường THCS An Bình Tây Ba Tri	tỉnh Bến Tre	10.453.349		
495	192	12/04/2025	Trường Mầm Non Giao Thạnh	tỉnh Bến Tre	4.553.000		
496	193	14/04/2025	Trường TH Mỹ Nhơn Ba Tri	tỉnh Bến Tre	8.201.000		
497	194	14/04/2025	Trường TH Vĩnh An	tỉnh Bến Tre	7.995.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
498	195	14/04/2025	Trường Mầm Non Hòa Nghĩa	tỉnh Bến Tre	5.906.000		
499	196	14/04/2025	Trường THCS Thị Trấn Tiệm Tôm	tỉnh Bến Tre	14.075.092		
500	197	14/04/2025	Văn phòng Huyện ủy Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	4.620.000		
501	198	14/04/2025	Trần Thị Cẩm Loan (không ghi rõ đơn vị nộp)	tỉnh Bến Tre	2.157.480		
502	199	14/04/2025	Trường TH Trà Thị Cụt	tỉnh Bến Tre	6.248.000		
503	200	14/04/2025	UBND xã Long Định	tỉnh Bến Tre	6.470.000		
504	201	14/04/2025	Trường THPT Phan Liêm	tỉnh Bến Tre	19.506.000		
505	202	14/04/2025	Công đoàn Trường Mầm Non Thạnh Hải	tỉnh Bến Tre	4.641.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
506	203	14/04/2025	CDCS Trường TH Huỳnh Tấn Phát huyện Bình Đại	tỉnh Bến Tre	7.236.256		
507	204	14/04/2025	Trường TH Thành Thới A	tỉnh Bến Tre	14.285.000		
508	205	14/04/2025	THCS Phạm Văn Bảy	tỉnh Bến Tre	11.698.000		
509	206	14/04/2025	CĐCS Trường TH Thạnh Ngãi	tỉnh Bến Tre	6.746.250		
510	207	14/04/2025	Trường Mầm Non An Thuận huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	4.658.300		
511	208	14/04/2025	Bệnh viện Đa Khoa Khu vực Cù Lao Minh	tỉnh Bến Tre	104.239.585		
512	209	14/04/2025	CĐCS xã Vĩnh Hòa huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	4.910.000		
513	210	14/04/2025	Trường THPT Ngô Văn Cẩn	tỉnh Bến Tre	20.588.981		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
514	211	14/04/2025	CĐCS Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Bến Tre	tỉnh Bến Tre	12.155.000		
515	212	15/04/2025	BHXX huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	2.810.340		
516	213	15/04/2025	CĐCS Trung tâm Y tế huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	69.845.291		
517	214	15/04/2025	Trường TH Bùi Sĩ Hùng	tỉnh Bến Tre	9.893.000		
518	215	15/04/2025	Trường TH Quới Điền	tỉnh Bến Tre	5.265.000		
519	216	15/04/2025	CĐCS Ban Quản Lý Dự án Mô Cày Nam	tỉnh Bến Tre	3.535.000		
520	217	15/04/2025	CĐCS Trường THCS Thới Thuận	tỉnh Bến Tre	6.870.800		
521	218	15/04/2025	CĐCS Trường THCS Phú Lễ huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	7.945.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
522	219	15/04/2025	TH Mỹ An	tỉnh Bến Tre	9.950.000		
523	220	15/04/2025	Trường TH NPT 2	tỉnh Bến Tre	8.244.879		
524	221	15/04/2025	Trường mầm Non An Phú Trung	tỉnh Bến Tre	7.568.000		
525	222	15/04/2025	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	tỉnh Bến Tre	3.123.000		
526	223	15/04/2025	Phòng TC - KH huyện Bình Đại	tỉnh Bến Tre	1.707.000		
527	224	15/04/2025	Trường THCS Cẩm Sơn huyện Mỏ Cày Nam	tỉnh Bến Tre	12.974.000		
528	225	15/04/2025	Chi cục Thống kê huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	780.000		
529	226	15/04/2025	CĐCS xã Mỹ Nhơn huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	6.504.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
530	227	15/04/2025	CĐCS Trường TH Trần Quyết Tâm	tỉnh Bến Tre	10.877.000		
531	228	15/04/2025	Trường Mầm Non Tân Hưng	tỉnh Bến Tre	2.785.000		
532	229	15/04/2025	Trường TH -THCS Nguyễn Văn Khá	tỉnh Bến Tre	16.446.000		
533	230	16/04/2025	Trường TH Thị trấn Tiệm Tôm	tỉnh Bến Tre	7.693.062		
534	231	16/04/2025	Trung Tâm Giống và Hoa Kiểng tỉnh Bến Tre	tỉnh Bến Tre	4.781.291		
535	232	16/04/2025	Trường THCS Tân Xuân Ba Tri	tỉnh Bến Tre	13.394.700		
536	233	16/04/2025	CĐCS Mầm Non Tân Thanh Tây	tỉnh Bến Tre	5.592.861		
537	234	16/04/2025	Hội Nông dân Huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	2.030.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
538	235	16/04/2025	Phòng TCKH huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	2.955.000		
539	236	16/04/2025	CĐCS Trường Mầm Non Nhuận Phú Tân	tỉnh Bến Tre	4.788.000		
540	237	16/04/2025	Hội Cựu Chiến binh huyện Bình Đại	tỉnh Bến Tre	997.000		
541	238	16/04/2025	CĐCS Trường THCS Thanh Phong	tỉnh Bến Tre	11.272.000		
542	239	16/04/2025	Trường mầm Non An Ngãi Tây	tỉnh Bến Tre	4.307.000		
543	240	16/04/2025	Trường THCS Đồng Khởi	tỉnh Bến Tre	10.454.000		
544	241	16/04/2025	Trường Mầm Non Phú Lễ	tỉnh Bến Tre	4.115.000		
545	242	16/04/2025	Trường THPT An Thới	tỉnh Bến Tre	14.386.513		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
546	243	16/04/2025	CĐCS Khối vận huyện Chợ Lách	tỉnh Bến Tre	7.918.000		
547	244	16/04/2025	CĐCS Trường THCS Thạnh Hải huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	8.440.000		
548	245	17/04/2025	Liên đoàn lao động huyện	tỉnh Bến Tre	847.000		
549	246	17/04/2025	Trường Tiểu học Huỳnh Thanh Mua huyện Thạnh Phú	tỉnh Bến Tre	2.650.000		
550	247	17/04/2025	Trường TH An Ngãi Trung huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	11.446.744		
551	248	17/04/2025	Trường TH An Thạnh Thành phố Bến Tre	tỉnh Bến Tre	2.700.000		
552	249	17/04/2025	Trường TH Nguyễn Đình Chiểu huyện Ba Tri	tỉnh Bến Tre	18.756.000		
553	250	17/04/2025	CĐV Trường THCS Đại Điền	tỉnh Bến Tre	10.490.500		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
554	251	17/04/2025	CĐCS Trường THCS Thới Thạnh	tỉnh Bến Tre	7.453.000		
555	252	17/04/2025	CĐCS Trường THCS Phú Khánh	tỉnh Bến Tre	7.839.000		
556	253	17/04/2025	Trần Thị Thuý Hằng (không ghi rõ đơn vị nộp)	tỉnh Bến Tre	7.263.748		
557	254	17/04/2025	Trường THCS Quới Điền	tỉnh Bến Tre	4.117.000		
558	255	18/04/2025	CĐCS Trường THPT Trần Trường Sinh	tỉnh Bến Tre	13.555.301		
559	256	18/04/2025	Trường Mầm Non Long Thới	tỉnh Bến Tre	7.043.000		
560	257	18/04/2025	CDV Công đoàn Cơ sở xã Định Thủy	tỉnh Bến Tre	2.935.000		
561	258	18/04/2025	CĐCS Trường THPT Đoàn Thị Điểm	tỉnh Bến Tre	20.102.000		

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
562	259	18/04/2025	CĐCS Trường THCS An Thuận	tỉnh Bến Tre	10.274.600		
563	260	18/04/2025	Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Châu Thành	tỉnh Bến Tre	3.622.000		
564	261	18/04/2025	CĐCS Trường THCS Thị trấn Ba Tri	tỉnh Bến Tre	19.498.307		
565	262	18/04/2025	CĐCS Trường TH Phú Mỹ	tỉnh Bến Tre	6.619.065		
566	263	18/04/2025	Sở Nội vụ Tỉnh Bến Tre	tỉnh Bến Tre	17.839.175		
567	264	18/04/2025	CĐCS Trường Mầm Non Thị trấn Chợ Lách	tỉnh Bến Tre	5.651.000		
B	TỔNG KINH PHÍ PHÂN BỐ					54.000.000.000	

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
01	01	25/3/2025	Chuyển nộp vào thu ngân sách nhà nước số tiền 45 tỷ đồng do UBND Thành phố HCM hỗ trợ cho tỉnh Bến Tre thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát theo Công văn 3297/BTC-NSNN ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính			45.000.000.000	
02	02	10/04/2025	Phân bổ số tiền 06 tỷ đồng theo QĐ số 43/QĐ-BVĐ ngày 10/4/2025 để hỗ trợ xây dựng 100 căn nhà cho hộ khó khăn (huyện Mỏ Cày Bắc 50 căn, Giồng Trôm 50 căn) nguồn do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh thay mặt Bộ Quốc phòng hỗ trợ.			6.000.000.000	

STT	STT	NGÀY THÁNG	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ TIỀN (đồng)		
					Tiếp nhận	Phân bổ	Tồn quỹ
03	03	17/04/2025	Chuyển kinh phí hỗ trợ xây dựng mới 50 căn nhà cho hộ khó khăn theo Quyết định số 45/QĐ -BVD ngày 17/4/2025 - Huyện Thạnh Phú, Giồng Trôm, Mỏ cày Nam: mỗi đơn vị 10 căn. - Huyện MCB: 06 căn. - Huyện Châu Thành, Ba Tri: mỗi đơn vị: 05 căn. - Huyện Bình Đại: 04 căn			3.000.000.000	
C	TỒN QUỸ ĐẾN 18/4/2025						2.945.972.063

ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM TỈNH BẾN TRE